TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2023/QĐST- HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lai Đức H, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố 10, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Khu phố 10, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Khu phố 2, phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lai Đức H và bà Trần Thị T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Cường, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 265, quyển số 2/2000, ngày 31/5/2000. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông H và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông H và bà T thống nhất có 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Lai Trần Cẩm V, sinh ngày 27/5/2000. Cháu V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T không có yêu cầu, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 17/02/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lai Đức H và bà Trần Thị T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 265, quyển số 2/2000, ngày 31/5/2000 do Ủy ban nhân dân phường Phú Cường, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Lai Đức H và bà Trần Thị T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Cháu Lai Trần Cẩm V, sinh ngày 27/5/2000 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lai Đức H và bà Trần Thị T không có yêu cầu, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lai Đức H và bà Trần Thị T mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002379 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Cường, thành phố

THẨM PHÁN

Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Khương Minh Trí